

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:03/2021/HS-ST
Ngày 08/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐB - TỈNH QN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Đắc Hưng
2. Ông Trần Ngọc Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vy- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 79/2020/TLHS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HS ngày 11/12/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Phòng Minh H (Tên gọi khác: CP) sinh ngày 22 tháng 12 năm 1997 tại: Tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: khối phố 7B, phường ĐNĐ, thị xã ĐB, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phòng Học K và bà Đỗ Thị S; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 16/9/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: Nguyễn Thị D, Sinh năm: 1994 tại: PR - TC, Ninh Thuận; Nơi đăng ký HKTT: Khu phố 14, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú hiện nay: Thôn ĐN, xã CH, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị L; có chồng ông Đỗ Văn T và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2010 và con nhỏ nhất sinh năm: 2019 Tiền án, tiền sự:

Không; đang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" tại xã CH, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Phòng Minh H có ông Nguyễn Xuân B, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số 73 Phan Châu Trinh, thành phố TK, tỉnh Quảng Nam, là Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm: 1998; Địa chỉ: Khối phố TC, phường T H, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt);

- Bà Trương Thị B, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Thôn ĐN, xã CH, thành phố HA, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ ngày 04/8/2020, Công an phường ĐNĐ tiến hành kiểm tra nhà của hộ ông Phòng Học K, thuộc khối phố 7B, phường ĐNĐ, thị xã ĐB thì phát hiện trong nhà có 02 đối tượng gồm: Phòng Minh H (là con của Phòng Học K) và Nguyễn Thị D. Qua kiểm tra phát hiện bên ngoài nhà vệ sinh cách bờ tường khoảng 30 cm có 01 gói ni lông trong suốt kích thước 4x7cm trên miệng túi có đường viền màu đỏ, bên trong có 02 đoạn ống hút màu trắng sọc xanh, kích thước 0,9x4cm và 0,9x3cm hàn kín hai đầu, bên trong mỗi ống hút đều chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. D khai nhận đây là ma túy đá, do H, D và Lý Hữu L góp tiền mua về sử dụng và đã sử dụng một ít. Công an phường tiến hành lập biên bản, niêm phong tang vật và bàn giao hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã ĐB.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định: vào khoảng 13 giờ 15 phút ngày 04/8/2020, Lý Hữu L liên lạc với Phòng Minh H qua số điện thoại 0899925435 nói chuyện rồi cùng rủ nhau góp tiền mua ma túy về sử dụng, L nói chỉ có 100.000 đồng trong game chứ không có tiền mặt thì H hẹn trả lời sau. Sau đó, H điện thoại cho Nguyễn Thị D hỏi “*Chị có tiền không, góp mua ma túy đá dùng*” thì D đồng ý và nói “*Có ba trăm nghìn*” rồi hẹn chạy xe đến nhà H. Sau đó, H điện lại cho L nói L chạy lên nhà H. Lát sau, D điều khiển xe mô tô hiệu Warm, màu bạc, biển số 92K2 - 7208 đến nhà H, nhưng gặp chốt kiểm soát Covid-19 nên D để xe lại đây rồi đi bộ vào nhà H, tại đây D góp số tiền 300.000 đồng và H góp số tiền 100.000 đồng để mua ma túy. H cầm 400.000 đồng góp được lấy xe của D đến khu nhà hoang thuộc bãi rác phường CH, thành phố HA tìm anh T (không rõ

lai lịch) để mua ma túy, nhưng khi đến đoạn đường An Dương Vương gần quán cafe Góc Phố thuộc phường TH, thành phố HA, Hùng thấy T chạy xe trên đường nên gọi lại nói: “*Em có 400.000 đồng anh bán cho em cái 5 được không*” tức là gói ma túy giá 500.000 đồng thì T đồng ý và đưa cho H gói ni lông kích thước 4x7cm bên trong chứa 02 đoạn ống hút có đựng ma túy đá. Mua xong, Hùng mang ma túy về nhà. Lúc này, D đang ở dưới bếp, H mang bộ dụng cụ sử dụng ma túy trong tủ ra để trên nền nhà bếp, rồi dùng kéo cắt một đầu của một đoạn ống hút chứa ma túy trong gói ma túy đã mua và đổ một phần ma túy đá vào nỏ thủy tinh rồi hàn miệng ống hút lại và bỏ vào túi ni lông để trên nền gần chỗ D ngồi. Lúc này, L đến nhà H, rồi H, D và L ngồi vào cùng sử dụng ma túy đá. Sau khi sử dụng ma túy xong, H nói L góp tiền mua ma túy thì L chuyển 100.000 đồng tiền game vào tài khoản game của D. Sau đó, L về trước vì nghĩ đã sử dụng hết số ma túy tương ứng với số tiền đã góp, D lấy gói ma túy cất vào trong túi áo trái, còn H cất dụng cụ sử dụng ma túy. Lúc này, Công an phường ĐNĐ đến kiểm tra, D sợ nên vào nhà vệ sinh đóng cửa rồi rút gói ma túy qua lỗ thông gió ra bên ngoài. Sau đó, Công an phường ĐNĐ đến kiểm tra, phát hiện thu giữ gói ma túy.

Tại Kết luận giám định số: 891/C09C-Đ2 ngày 14/8/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: chất rắn màu trắng dạng tinh thể trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng mẫu là 0,24 gam.

Về vật chứng:

Quá trình điều tra tạm giữ: 01 túi nilong trong suốt kích thước (4x7cm) trên miệng có viền màu đỏ, bên trong chứa hai đoạn ống hút màu trắng sọc xanh (kích thước 0,9x4cm và 0,9x3cm) bên trong hai đoạn ống hút đều chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 nỏ thủy tinh, 01 chai nhựa, 01 ống hút; 01 kéo cắt chỉ cán màu tím; 01 điện thoại di động hiệu OPPO Neo7 màu vàng bên trong có sim số 0899925435; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53 màu đen bên trong có sim số 0865659503 và sim số 0796595265. Tất cả các vật chứng trên chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thị xã ĐB để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Warm, màu bạc, biển số 92K2-7208 thuộc sở hữu của vợ chồng bà Trương Thị B. Qua xác minh, xe này ông Lê Phước P mua và đứng tên giấy đăng ký xe, vào khoảng cuối năm 2004 ông Phong bán lại xe cho bà. Vào trưa ngày 04/8/2020, D mượn xe Warm của bà B để đi làm, việc D sử dụng xe vào mục đích khác bà B không biết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại xe mô tô này cho bà Trương Thị B.

Cáo trạng số 76/CT-VKSTK-HS ngày 07/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn truy tố các bị cáo Phòng Minh H và Nguyễn Thị D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Phòng Minh H từ 18 tháng đến 24 tháng tù;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 15 tháng đến 18 tháng tù;

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố; không có ý kiến gì về kết luận giám định ma túy. Bị cáo H mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo D mong Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Phòng Minh H thống nhất với tội danh mà đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về tính chất mức độ nguy hiểm của bị cáo thì thấy, bị cáo H không phải là người khởi xướng, bị cáo mua ma túy số tiền là 400.000đ về cùng sử dụng chung gồm H, D và L, nhưng bị cáo chỉ góp 100.000đ và D góp 300.000đ, sau khi sử dụng xong thì L góp 100.00đ vào tài khoản của bị cáo D. Số ma túy các bị cáo sử dụng là $\frac{1}{4}$ so với số ma túy bị cáo mua và sau khi sử dụng xong thì số còn lại bị cáo để lại cho D với mục đích giao cho bị cáo D cất giấu, giữa bị cáo và D không có sự bàn bạc về việc cất giấu số ma túy còn lại; bị cáo H cho rằng đã sử dụng hết số ma túy bị cáo đã góp tiền mua; khối lượng ma túy thu giữ là 0,24 gam ma túy loại Methamphetamine là ít. Đề nghị HĐXX xem xét đối với hành vi tàng trữ chất ma túy của bị cáo H không nguy hiểm, thời gian tạm giam của bị cáo cũng đủ ren đe đối với bị cáo. Do đó, đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thị xã Điện Bàn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, các bị cáo Phòng Minh H và Nguyễn Thị D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang; kết luận giám định về ma túy, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Vào ngày 04/8/2020, tại khối phố 7B, phường ĐNĐ, thị xã ĐB, Phòng Minh H và Nguyễn Thị D đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,24 gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT: 323 Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định danh mục các chất ma túy và tiền chất. Hành vi tàng trữ 0,24 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng cho bản thân của các bị cáo Phòng Minh H và Nguyễn Thị D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Tại Cáo trạng số 76/CT-VKS ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn đã truy tố đối với các bị cáo Phòng Minh H và Nguyễn Thị D là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy do Chính phủ quy định; Nhà nước ta nghiêm cấm tàng trữ, mua bán, vận chuyển và sử dụng dưới mọi hình thức, là tác nhân gây ra nhiều tệ nạn xã hội. Các bị cáo Phòng Minh H và Nguyễn Thị D là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được điều này nhưng vì bản thân nghiện ma túy nên các bị cáo đã tìm mọi cách mua ma túy về tàng trữ để sử dụng cho bản thân.

[2.3] Xét vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo Phòng Minh H mặc dù không phải là người khởi xướng, nhưng khi nghe L rủ bị cáo đồng ý, rủ bị cáo D cùng sử dụng chung, liên hệ trực tiếp với đối tượng T để mua ma túy, mang ma túy về nhà và chiết ma túy vào dụng cụ để cùng L, D sử dụng chung. Đối với bị cáo D, khi nghe H rủ cùng sử dụng ma túy, bị cáo đồng tình và tích cực góp tiền vào cùng sử dụng chung; xét vai trò của từng bị cáo thì bị cáo D chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo H là thỏa đáng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội.

[2.4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Tại phiên tòa bị cáo Phòng Minh H khai ông Lê Đ là liệt sĩ có mối quan hệ với bị cáo

là ông cố ngoại thì không thuộc trường hợp được áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), do đó HĐXX không áp dụng tình tiết này cho bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Thị D hiện nay đang nuôi 4 con nhỏ, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, do đó HĐXX thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS khi lượng hình đối với bị cáo.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Phòng Minh H và ý kiến của bị cáo Nguyễn Thị D, thì HĐXX xét thấy các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do đó người bào chữa và bị cáo D đề nghị áp dụng án treo đối với các bị cáo là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

[2.5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) có quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. HĐXX xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[2.6] Về vật chứng: HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Hội đồng xét xử xét thấy:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO Neo7 màu vàng, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53 màu đen vì đây là công cụ, phương tiện phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì màu trắng niêm phong sau giám định số 891/C09C-Đ2 ngày 14/8/2020 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng; bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 nỏ thủy tinh, 01 chai nhựa, 01 ống hút; 01 kéo cắt chỉ cán màu tím, sim số 0899925435, sim số 0865659503 và sim số 0796595265 vì đây các vật cấm tàng trữ và vật không còn giá trị sử dụng.

[2.7] Các vấn đề khác:

- Đối với Lý Hữu L, L không biết việc Phòng Minh H mua ma túy với số tiền và số lượng bao nhiêu, sau khi sử dụng xong ma túy cùng H và D, L góp số tiền 100.000 đồng tiền game vào tài khoản game của D rồi L về trước vì đã sử dụng hết số ma túy tương ứng với số tiền mình góp. Như vậy, hành vi của Lý Hữu L không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan CSĐT chuyển hồ sơ cho Công an thị xã Điện Bàn xử lý hành chính theo thẩm quyền là phù hợp.

- Đối với người tên T (không rõ lai lịch) đã bán ma túy cho H, do H khai không rõ lai lịch nên Cơ quan CSĐT không có cơ sở để xác minh, điều tra, HĐXX không có cơ sở xem xét.

- Tại thời điểm H, D, L sử dụng ma túy tại nhà hộ ông Phòng Học Kh, qua xác minh ông K đi làm ăn xa tại tỉnh Đồng Nai, tại thời điểm các bị cáo tàng trữ ma túy thì bà Trương Thị B không có nhà, bà B và ông K không biết việc H, D, L sử dụng trái phép chất ma túy nên không có cơ sở xử lý tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là đúng qui định pháp luật.

[2.5] Về án phí: Các bị cáo Phòng Minh H và Nguyễn Thị D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phòng Minh H và Nguyễn Thị D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Xử phạt bị cáo Phòng Minh H 1 (một) năm 3 (ba) tháng. tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 16/9/2020).

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO Neo7 màu vàng, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A53 màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì màu trắng niêm phong sau giám định số 891/C09C-Đ2 ngày 14/8/2020 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng; bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã gồm: 01 nỏ thủy tinh, 01 chai nhựa, 01 ống hút; 01 kéo cắt chỉ cán màu tím, sim số 0899925435, sim số 0865659503 và sim số 0796595265.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Điện Bàn đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 07 tháng 12 năm 2020).

3. Về án phí: Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phòng Minh H và Nguyễn Thị D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được cấp, tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Đội Tổng hợp Công an Điện Bàn;
- Phòng HSNV Sở Tư Pháp Q Nam;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tân

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Tân